

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+BK8	7:25	7+15	0+0		3+16	0+0	
2		RP2+RC10	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
3		P4+TD1+RC3	7:25	7+8+6	0+0+0		1+1+6	0+0+0	
4		RP2+CTC1+MRM	9:25	11+11+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	
5		P5+P2	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
6		BK6+P2	9:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
7		P2+BK5+TD3	11:25	18+2+1	0+0+0		10+5+6	0+0+0	
8		RC5+RP2	11:25	6+14	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RP2-4ng, BK5-3ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P4 - TD1 - RC3	CREW: TTrung - Son - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	31-32	2	19	23	80	KHI	Vietnamese
2	HASBULLAH AZMI BIN HUSSIN	P4	38	1	10	15	81	KHI	Malaysian
3	ARNOLD DALE ANDREW	P4	33	1	10	14	123	KHI	Australian
4	HE YONG	P4	35-37	3	17		91	KHI	Chinese
5	EMILLIEN LACOMBE	P4	42	1	10	16	89	KHI	French
6	XIANG FENG	P4	40-41	2	19		113	KHI	Chinese
7	NGUYEN VIET HA	P4	44-45	2	15		71	KHI	Vietnamese
8	RAKHIMOV A.R.	TD1	55	1	5		92	D-HANH	Russian
9	NGUYỄN HOÀI VŨ	TD1	53	1	4	12	62	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN XÁ	TD1	54	1	4		72	ANTOAN	Vietnamese
11	PHAN THỊ THUY NGA	TD1					57	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN BA SƠN	TD1	56-57	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG NGỌC	TD1	60-61	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TÂN	TD1	62-63	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VĂN HOÀ	TD1	58-59	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	03	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN DŨNG	RC3	06	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	05	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN Y	RC3	07	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VĂN TRỌNG	RC3	04	1	4	3	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	12	100	648	68	1		
2	TD1	8	11	72	550	12	2		
3	RC3	6	5	31	403	3	6		
TOTAL		21	28	203	1.601	83	9		
WEIGHT KG				203	1.601	83			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK5 - BK8	CREW: HUNG - M.Đức - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	BK5					72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VAN TIINH	BK5	72	1	5		75	NIPI	Vietnamese
3	BAGRAMOVA E.K.	BK5					55	NIPI	Russian
4	TRAN QUANG BINH	BK5	73	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	71	1	5	5	55	PSV	Vietnamese
6	PHUNG ANH TUAN	BK5	56-57	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI QUANG DUY	BK5	74,54	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG CAM	BK8	99	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN TINH	BK8	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC HOANG HAI	BK8	16	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TAN	BK8	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG QUYET THANG	BK8	29	1	15	15	80	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VIET HUAN	BK8	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LE DANG QUANG	BK8	26	1	15		95	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HONG QUY	BK8	03	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	PHAM VAN CUONG	BK8	27-28	2	19	33	83	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN SANG	BK8	18-19	2	15	42	69	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIET	BK8	30-31	2	19		75	DVL	Vietnamese
19	DOAN MINH DAT	BK8	20-21	2	19		75	DVL	Vietnamese
20	LE DUY HUYNH	BK8	22	1	5		67	DVL	Vietnamese
21	DO VAN HUNG	BK8	23	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	KIEU TUAN ANH	BK8	24	1	5		68	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	7	7	45	477	5	3		
2	BK8	15	19	153	1.130	90	16		
TOTAL		22	26	198	1.607	95	19		
WEIGHT KG				198	1.607	95			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2024	TO: RP2 - RC10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - N.Cường - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC CƯỜNG	RP2	15-16	2	15		65	NAM TIEN	Vietnamese
2	LE HỒNG ĐẠI	RP2	06	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
3	LE TUẤN VŨ	RP2	07	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VĂN HOÀNG	RP2	09	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH THỊNH	RP2	13-14	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG QUỐC VƯƠNG	RP2	11	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KHÁC SANG	RP2	12	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	03-04	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	19	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN NINH	RP2	18	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ TUẤN ANH	RP2	21-22	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DƯƠNG	RP2	10	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CANH TÂN	RP2	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ROMAN CHEKUROV	RP2	01-02	2	10		86	XAYLAP	Russian
15	DẶNG THẾ ANH	RP2	05	1	5		69	NIPI	Vietnamese
16	KIREEV	RP2	17	1	5		85	NIPI	Russian
17	NGUYEN VIỆT HÙNG	RP2	08	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO VIỆT HAI	RP2	23	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CÔNG MINH HIỆU	RC10	55	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HUNG	RC10	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VĂN HUNG	RC10	54	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO XUÂN THỌ	RC10	52	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	23	133	1.295	0	18		
2	RC10	4	4	26	272	0	4		
TOTAL		22	27	159	1.567	0	22		
WEIGHT KG				159	1.567	0			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	TO: RP2 - CTC1 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - M.Đức - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO TUAN ANH	RP2	34	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VU TIEN THANH	RP2	35	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHANH	RP2	31	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG LOI	RP2	26-27	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG THANH	RP2	32	1	18		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUNG	RP2	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HAI SANG	RP2	30	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG QUOC MAI	RP2	24	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO VAN TUAN	RP2	25	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CHI CUONG	RP2	28	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET HUNG	RP2	33	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH DUC	CTC1	65-66	2	13	55	61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH DUY	CTC1	69	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY CONG	CTC1	70	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN CONG TUYEN	CTC1	63	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG HOANG ANH	CTC1	71	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THE MANH	CTC1	67	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN HUYEN	CTC1	64	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TIEN DUNG	CTC1	72	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
20	CHU TUAN ANH	CTC1	73-74	2	20		62	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN NAM SON	CTC1	68	1	15		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	11	12	92	796	0	9		
2	CTC1	10	12	91	713	55	10		
3	MRM	0	0	0	0	3	3		
TOTAL		21	24	183	1.509	58	22		
WEIGHT KG				183	1.509	58			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: P5 - P2	CREW: Nam - N.Cuong - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH HAI	P5	46-47	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
2	HO SY TRUNG	P5	48-49	2	12	6	68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN SY TINH	P5	44-45	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM TIEN DAT	P5	40	1	10	15	62	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LONG	P5	42	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TUAN	P5	43	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LUU VAN CHIEN	P2	68-69	2	15		68	YTE	Vietnamese
8	DO VAN DANG	P2	64	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC QUOC	P2	63	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HUNG	P2	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	P2	67	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	DO HUU NGUYEN	P2	65	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM XUAN TRUONG	P2	75	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN DAT	P2	74	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN DONG	P2	61	1	8	90	74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUOC TRUNG	P2	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CHUONG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG XUAN SON	P2	62	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LE SY VANG	P2	73	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HO HUY QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM THANH HIEN	P2	71-72	2	8		81	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TAN QUAN	P2	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	9	80	384	21	0		
2	P2	16	16	111	1.142	90	22		
TOTAL		22	25	191	1.526	111	22		
WEIGHT KG				191	1.526	111			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	TO: BK6 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - HIẾU	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	BK6	52	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	BK6	48-49	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC THIẾP	BK6	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUY HOANG	BK6	53-54	2	19	40	80	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM NGOC PHUONG	BK6	50	1	15		74	CODIEN	Vietnamese
6	LUONG THE HIEN	BK6	57,59	2	10		70	NIPI	Vietnamese
7	VU BAO THANH	BK6	55-56	2	19		82	NIPI	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG MINH	BK6	51	1	3		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN CHI HUONG	P2	99	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG AN	P2	91	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN MINH XANH	P2	95	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ANH TÚ	P2	92-93	2	13		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC THẮNG	P2	98	1	5	70	82	KH-THAC	Vietnamese
14	HA CHIEN THANG	P2	96	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUY	P2	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN SON	P2	94	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN NĂM	P2	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LICH	P2	30	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO VĂN GIÁP	P2	84-85	2	10		84	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VINH QUANG	P2	86-87	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN ANH TUAN	P2	88	1	14		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	12	88	581	40	4		
2	P2	14	17	109	1.028	70	18		
TOTAL		22	29	197	1.609	110	22		
WEIGHT KG				197	1.609	110			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

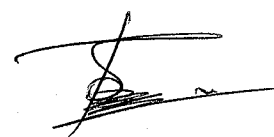
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: P2 - BK5 - TD3	CREW: CHIẾN - HTrung - THỤ	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN-VIET TOAN	P2	38	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC QUAN	P2	31	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG DINH LUAN	P2	36-37	2	14		53	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI TRUNG NHAN	P2	41-42	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI DINH THO	P2	52	1	13	10	74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUONG	P2	39-40	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	VU DUC HUNG	P2	27	1	7	15	78	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN QUAN	P2	48	1	9	15	60	XAYLAP	Vietnamese
9	VU QUANG TRUONG	P2	45-46	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HA VAN SAU	P2	33	1	8	15	60	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO VAN HOAN	P2	43	1	8	17	67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN CHINH	P2	54	1	17		66	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VAN DUNG	P2	50-51	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HANH	P2	29	1	7		73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN LAI	P2	47	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN PHUONG	P2	24-25	2	18	18	65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN LONG	P2	32	1	5		55	T-TIN	Vietnamese
18	HOANG PHUOC SANG	P2	30	1	4		65	T-TIN	Vietnamese
19	LE HUNG CUONG	BK5					78	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI SONG TOAN	BK5	83	1	5		75	DK9	Vietnamese
21	LE XUAN THANG	TD3	99	1	7	18	83	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

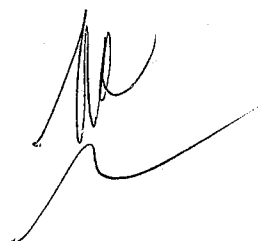
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	24	217	1.145	90	10		
2	BK5	2	1	5	153	0	5		
3	TD3	1	1	7	83	18	6		
TOTAL		21	26	229	1.381	108	21		
WEIGHT KG				229	1.381	108			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

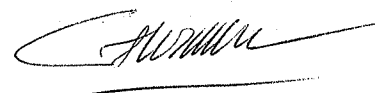
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/03/2024	TO: RC5 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - DTùng	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH PHUONG	RC5	66	1	20		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THANG	RC5	67-68	2	20	6	65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN ĐANG	RC5	64-65	2	17		54	XAYLAP	Vietnamese
4	NINH TRUNG LUONG	RC5	70-71	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TIEN	RC5	61	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUYEN	RC5	62-63	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
7	VU DUY QUYEN	RP2	49	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG XUAN KHOA	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN QUAN	RP2	50	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DAT	RP2	41	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VAN TUAN	RP2	47	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM TIEN CUONG	RP2	45-46	2	19		75	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN ĐUC THANG	RP2	43	1	11		65	YTE	Vietnamese
14	TRAN VAN VIET (1990)	RP2	44	1	4		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRUNG (1975)	RP2	38	1	10		78	PSV	Vietnamese
16	TRAN TRONG QUI	RP2	42	1	10		70	PSV	Vietnamese
17	TRAN MINH HUNG	RP2	39-40	2	11		89	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LAP	RP2	48	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THACH	RP2	36	1	5		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VIET TOAN	RP2	37	1	6		95	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	6	10	91	383	6	1		
2	RP2	14	15	109	1.009	0	21		
TOTAL		20	25	200	1.392	6	22		
WEIGHT KG				200	1.392	6			

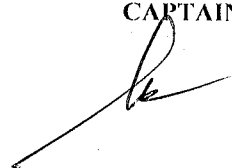
GRAND TOTAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





Lưu VSP

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD1+BK16	7:25	6+16+0	0+0+0		1+20+0	0+0+0	chuyen 2 TD5-TD1chuyen 1 TD1-BK16
2		CTK3+TD3+RP2	7:25	18+4+0	0+0+0		12+6+2	0+0+0	chuyen 4 Td3-rp2
3		AMD+BK3+CTK3	9:25	7+0+15	0+0+0		4+1+17	0+0+0	
4		RP1+TD1+BK9	9:25	8+5+5	0+0+0		2+7+5	0+0+0	
5		TD5+GTCl+CTK3	11:25	12+0+7	0+0+0		0+1+15	0+0+0	chuyen 1 GTCl-CTK3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày cTK3-2ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - TD1 - BK16	CREW: HUNG - Son - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG HUE	TD5	56	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN TRI	TD5	52	1	11	15	72	KHOAN	Vietnamese
3	LE NGOC LUAN	TD5	51	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU LUAN	TD5	53	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN CHIEN	TD5	55	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CHU HA	TD5	54	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
7	VU VAN TIEN	TD1	81	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM THAI	TD1	85	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE ANH TUAN	TD1	79	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN QUANG TUAN	TD1	83	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH HA	TD1	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET LONG	TD1	78	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG CHUONG	TD1	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LUAN	TD1	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MINH HAI	TD1	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN KHAC THANG	TD1	76	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN DUC	TD1	68-69	2	10		65	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	TD1	70	1	9		68	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LOC	TD1	73-74	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NGAN	TD1	75	1	7	40	65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN PHUC NGUYEN	TD1	66-67	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
22	VU QUANG VINH	TD1	71-72	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	60	409	15	1 + 2		CHUYEN 02 PAX TU TD5 SANG TD1
2	TD1	16	20	132	1.084	40	20 + 1		CHUYEN 01 PAX TU TD1 SANG BK16
3	BK16	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	26	192	1.493	55	21		
WEIGHT KG				192	1.493	55			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2024	TO: CTK3 - TD3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - PTUÁN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀNG XUAN CHIN	CTK3	86-87	2	14		65	HLHV	Vietnamese
2	BRANCHUKOV VICTOR	CTK3	97	1	3		70	D-HANH	Russian
3	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CTK3	900	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CTK3	78	1	10	15	78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN SƠN	CTK3	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG TUNG	CTK3	85	1	13		88	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ QUANG HẢI	CTK3	95	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHÙNG VĂN KHÁNH	CTK3	91-92	2	9	54	75	KH-THAC	Vietnamese
9	MAKSIMOV	CTK3	96	1	8		126	KH-THAC	Russian
10	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	89	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	94	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	93	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	88	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	90	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
15	YATSENKO SERGEY	CTK3	98	1	4		100	ANTOAN	Russian
16	NGUYỄN VĂN SA	CTK3	77	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO MINH TOÀN	TD3	84-85	2	17		117	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN TRƯỜNG	TD3	90	1	10		57	XAY LAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD3	86-87	2	9		60	XAY LAP	Vietnamese
21	VŨ TÀI HOÀN	TD3	88-89	2	20		73	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	18	120	1.339	69	12		CHUYEN 04 PAX TD3-RP2
2	TD3	4	7	56	307	0	6	4	
3	RP2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	25	176	1.646	69	20		
WEIGHT KG				176	1.646	69			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: AMD - BK3 - CTK3	CREW: HUNG - Son - MQUÂN	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUYNH CUÔNG	AMD	97-99	3	19	20	75	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	74	1	13	12	70	CODIEN	Vietnamese
3	NÔNG MINH HẢI	AMD	76	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	75	1	15		100	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỊ PHƯỚC	AMD	77	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	73	1	6		75	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU LỘC	AMD	71-72	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TU THẮNG	CTK3	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG LÂM	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC TRÍ	CTK3	27	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN HẢI	CTK3	31	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH TÀI	CTK3	29	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN BẮC	CTK3	32	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NĂM	CTK3	39	1	8	49	72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	35	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT TIẾN	CTK3	33-34	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ĐO CHIAU TUAN	CTK3	30	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG AN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẠO ĐỨC THẮNG	CTK3	37-38	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	10	90	543	32	4		
2	BK3	0	0	0	0	0	1		
3	CTK3	15	14	82	1.062	49	17		
TOTAL		22	24	172	1.605	81	22		
WEIGHT KG				172	1.605	81			

GRAND TOAL: 1.846 KGS + 12 kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2024	TO: RP1 - TD1 - BK9	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

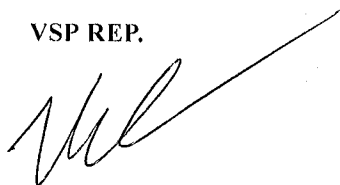
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NHƯ SÁNG	RP1	87	1	13	35	68	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC THỊNH	RP1	88-90	3	14		53	XAYLAP	Vietnamese
3	LÀ TUẤN LINH	RP1	83	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ TÚ KHA	RP1	80	1	10	17	90	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ANH CƯỜNG	RP1	78-79	2	19	11	76	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG THANH SƠN	RP1	84	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ NHẬT QUI	RP1	82	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT LỘC	RP1	85-86	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
9	TRƯỜNG CHI THANH	TD1	79	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LÂM QUANG QUY	TD1	84	1	10	22	75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC THO	TD1	82	1	10	15	63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	TD1	83	1	4		73	PSV	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HÙNG	TD1	80	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	84	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	85	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VÕ THÈ HẬU	BK9	88	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	86-87	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGỌC HOÀ	BK9	90	1	6	20	66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

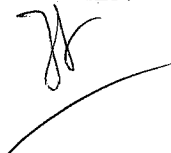
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	12	110	548	63	2		
2	TD1	5	5	40	333	37	7		
3	BK9	5	6	33	348	20	5		
TOTAL		18	23	183	1.229	120	14		
WEIGHT KG				183	1.229	120			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2024	TO: TD5 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - N.Nam	ETA: 14:00
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU HAI MINH	TD5	66-67	2	18		65	XAYIAP	Vietnamese
2	LE CONG THOI	TD5	64-65	2	19		60	XAYIAP	Vietnamese
3	ĐINH QUANG DUNG	TD5	68-69	2	23		65	XAYIAP	Vietnamese
4	TRAN MANH CUONG	TD5	73-74	2	18		70	XAYIAP	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN ANH	TD5	70	1	17		80	XAYIAP	Vietnamese
6	PHAM NGOC DIEU	TD5	62	1	12		78	XAYIAP	Vietnamese
7	VO HOANG TIEN	TD5	59	1	13		77	XAYIAP	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TIEN	TD5	58	1	10		64	XAYIAP	Vietnamese
9	NGUYEN ĐANG THANH	TD5	60	1	10		60	XAYIAP	Vietnamese
10	BUI VAN VUONG	TD5	71-72	2	15		68	XAYIAP	Vietnamese
11	ĐO VAN NAM	TD5	63	1	10		73	XAYIAP	Vietnamese
12	DUONG VAN NGUYEN	TD5	61	1	8		65	XAYIAP	Vietnamese
13	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	50	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	49	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VIET HUNG	CTK3	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUU TRUNG	CTK3	51	1			70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN HUY	CTK3	46	1	11		70	ANTOAN	Vietnamese
18	BUI VAN TUAN	CTK3	48	1	11		62	XAYIAP	Vietnamese
19	PHAM QUANG TRUONG	CTK3	47	1	10		83	XAYIAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

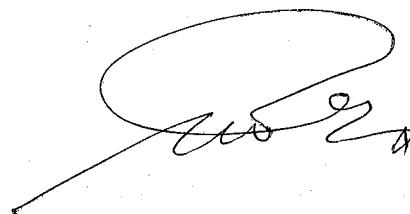
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	17	173	825	0	0		CHUYEN 1 PAX GTC1-CTK3
2	GTC1	0	0	0	0	0	1 + 1		
3	CTK3	7	7	44	487	0	15		
TOTAL		19	24	217	1.312	0	16		
WEIGHT KG				217	1.312	0			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P11+BK10	7:25	12+9+0	0+0+0		9+2+10	0+0+0	
2		MRM+TD2+BK8+P10	7:25	18+1+0	0+0+0		16+4+1+1	0+0+0	P10 NGƯỜI NHÀ

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: MRM - P11 - BK10	CREW: CHIẾN - XTrường - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	07	1	10		100	AMNGR	Russian
2	TSVIETKOV OLEG	MRM	08	1	12		105	AMNGR	Russian
3	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	02	1	10		92	AMNGR	Russian
4	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	03	1	5		83	AMNGR	Russian
5	SHICHETININ IVAN	MRM	12	1	14		80	AMNGR	Russian
6	LOGANOV VITALII	MRM	06	1	7		90	AMNGR	Russian
7	GOLOVLEV NIKITA	MRM	13-14	2	11		103	AMNGR	Russian
8	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	04-05	2	15		80	AMNGR	Russian
9	PIKULSKII TIMUR	MRM	10-11	2	10		100	AMNGR	Russian
10	MOROZOV ANDREI	MRM	09	1	10		102	AMNGR	Russian
11	NGUYEN VAN PHUC	MRM	01	1	19		75	PHUC NGU	Vietnamese
12	ĐẶNG BẮC THAI	P11	84	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRƯỜNG QUANG HOÀN	P11	80-81	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HÙNG	P11	76-77	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LÂNII	P11	85	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ TRI THAI	P11	82-83	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẠO HỮU TUYẾN	P11	88-89	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HỒNG QUÂN	P11	74-75	2	15	10	63	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG NGOC MINH	P11	78-79	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN SI	P11	86-87	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	14	123	1.010	0	10		
2	P11	9	16	147	610	10	2		
3	BK10	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	30	270	1.620	10	22		
WEIGHT KG				270	1.620	10			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2024	TO: MRM - TD2 - BK8 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - TĐông - dũng -	ETA: 09:25
CAM-1		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ TRỊ	MRM	13-14	2	10	25	58	HONG HA	Vietnamese
2	HOANG THAI SON	MRM	05-06	2	20		74	PVD INVE\$	Vietnamese
3	KIRICHENKO K.P.	MRM	15	1	7		79	KHOAN	Russian
4	ĐO HOÀI THANH	MRM	26	1	7		75	DVL	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ĐỨC	MRM	28	1	10		65	DVL	Vietnamese
6	HOANG XUAN CANH	MRM	08-09	2	7		68	PSV	Vietnamese
7	PHAM TUNG SAN	MRM	11-12	2	14		65	PSV	Vietnamese
8	SAVELEV NIKITA	MRM	36	1	10		88	AMNGR	Russian
9	KUZNETSOV VLADIMIR	MRM	31-32	2	20		99	AMNGR	Russian
10	KONDRATIUK KIRILL	MRM	33	1	17		78	AMNGR	Russian
11	AZARENKOV KIRILL	MRM	04	1	10		96	AMNGR	Russian
12	STEPANOV OLEG	MRM	10	1	5		104	AMNGR	Russian
13	IAREMCHENKO TARAS	MRM	34	1	10		89	AMNGR	Russian
14	RODNIKOV STANISLAV	MRM	37-38	2	11		73	AMNGR	Russian
15	MANAKOV DENIS	MRM	03	1	10		89	AMNGR	Russian
16	DOBRYNIN PAVEL	MRM	35	1	10		109	AMNGR	Russian
17	PETEL SERGEI	MRM	29-30	2	19		88	AMNGR	Russian
18	CHANATPHON PROMMARAT	MRM	27	1	12		80	PVD INVE\$	Thailand
19	LE VAN HUY	MRM	07	1	8		67	HONG HA	Vietnamese
20	MAI VAN HOANG	TD2	51	1	6		58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	26	217	1.544	25	15		CHUYEN 2 PAX TD2-P10
2	TD2	1	1	6	58	0	4	f2	
3	BK8	0	0	0	0	0	1		
4	P10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	27	223	1.602	25	21		
WEIGHT KG				223	1.602	25			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN